TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

## Ngành: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

## ÁP DỤNG TỪ KHÓA NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 3803/QĐ-KHTN, ngày 28/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

**1. Thời gian đào tạo chính quy:**

- Nghiên cứu sinh (NCS) chưa có bằng thạc sĩ: 4 năm
- Nghiên cứu sinh (NCS) đã có bằng thạc sĩ: 3 năm

**2. Hình thức đào tạo:** chính quy

**3. Phương thức đào tạo:** Chương trình tiến sĩ đào tạo theo 2 phương thức

**3.1. Phương thức 1**: Phương thức nghiên cứu chuyên sâu toàn thời gian.

Chương trình gồm môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

**3.2. Phương thức 2**: Phương thức nghiên cứu kết hợp các học phần chuyên môn.

Chương trình gồm các môn học học phần tiến sĩ (*bao gồm môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, nếu có*), thực hiện tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

**4. Quy định về công bố khoa học đối với các phương thức đào tạo**

- Các bài báo, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phải có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.
- Xếp hạng Q của tạp chí được dựa trên trang thông tin của SCIMAGO.
- Điểm đánh giá tạp chí, hội nghị của các công bố khoa học được tính vào thời điểm bài báo, báo cáo khoa học của nghiên cứu sinh được chấp nhận đăng (tính theo thư chấp nhận đăng của tạp chí, hội nghị hoặc năm công bố).

Đơn vị phụ trách ngành và Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ các cấp phụ trách thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo; báo cáo khoa học; kết quả nghiên cứu; ứng dụng khoa học, công nghệ với nội dung luận án luận án của nghiên cứu sinh và mức độ uy tín của Tạp chí, hội nghị

**4.1. Quy định về công bố khoa học đối với Phương thức 1:**

Nghiên cứu sinh là tác giả chính của ít nhất 03 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo tạp chí khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi là tạp chí WoS/Scopus) hoặc tương đương, trong đó có ít nhất 01 bài Q2 (hoặc 01 báo cáo hội nghị được xếp hạng B theo bảng xếp hạng uy tín) trở lên.

**4.2. Quy định về công bố khoa học đối với Phương thứ 2:**

- Nghiên cứu sinh là tác giả chính của ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, hoặc ít nhất 01 bài báo khoa học được công bố trong ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scoupus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung

điểm đánh giá từ 0.75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế ban hành; các công bố đạt tổng điểm từ 2.0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

- Ngoài ra có thể thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế

**5. Cấu trúc chương trình đào tạo:**

**5.1. Cấu trúc chương trình của Phương thức 1:**

| **Cấu trúc chương trình** | **Nội dung chương trình, số tín chỉ** | |
|---|---|---|
| | **NCS đã có bằng thạc sĩ** | **NCS chưa có bằng thạc sĩ** |
| Học phần bổ túc kiến thức | Môn học chương trình thạc sĩ (Xét theo từng trường hợp) | ≥ 30 tín chỉ môn học chương trình thạc sĩ |
| Học phần tiến sĩ | Môn PP NCKH (3 tín chỉ) | Môn PP NCKH (3 tín chỉ) |
| | Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ) | Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ) |
| Học phần nghiên cứu | Chuyên đề tiến sĩ (5 tín chỉ x 2 chuyên đề) | Chuyên đề tiến sĩ (5 tín chỉ x 2 chuyên đề) |
| Luận án và công bố khoa học | Luận án (74 tín chỉ) | Luận án (74 tín chỉ) |
| | Công bố khoa học theo yêu cầu tại mục 4, mục 4.1 | Công bố khoa học theo yêu cầu tại tại mục 4, mục 4.1 |
| **Tổng số tín chỉ** | **≥ 90** | **≥ 120** |

**5.2. Cấu trúc chương trình của Phương thức 2:**

| **Cấu trúc chương trình** | **Nội dung chương trình, Số tín chỉ** | |
|---|---|---|
| | **NCS đã có bằng thạc sĩ** | **NCS chưa có bằng thạc sĩ** |
| Học phần bổ túc kiến thức | Môn học chương trình thạc sĩ (Xét theo từng trường hợp) | ≥ 30 tín chỉ môn học chương trình thạc sĩ |
| Học phần tiến sĩ bắt buộc | Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ) | Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ) |
| Học phần tiến sĩ tự chọn | - Các môn học học phần tiến sĩ, *bao gồm môn PPNCKH*, nếu có (11 – 12 tín chỉ) | - Các môn học học phần tiến sĩ, *bao gồm môn PPNCKH, nếu có* (11 – 12 tín chỉ) |
| Học phần nghiên cứu | Chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ x 2 chuyên đề) | Chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ x 2 chuyên đề) |
| Luận án và công bố khoa học | Luận án (70 tín chỉ) | Luận án (70 tín chỉ) |
| | Công bố khoa học theo yêu cầu tại mục 4, mục 4.2 | Công bố khoa học theo yêu cầu tại tại mục 4, mục 4.2 |
| **Tổng số tín chỉ** | **≥ 90** | **≥ 120** |

## 6. Khung chương trình đào tạo

### 6.1. Khung chương trình của Phương thức 1

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,ĐA |
| **A** | | **Học phần bổ sung kiến thức** (nếu có) | | | |
| | | Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: học bổ sung các môn cơ sở và chuyên ngành của chương trình thạc sĩ cùng ngành | ≥ 30 | | |
| | | Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ ngành gần sẽ được xem xét theo từng trường hợp cụ thể. | | | |
| **B** | | **Học phần tiến sĩ** | **6** | | |
| 1 | DNC | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 3 | 0 |
| 2 | TLTQ | Tiểu luận tổng quan | 3 | 3 | 0 |
| **C** | | **Học phần nghiên cứu** | **10** | | |
| 1 | CDQLMT1 | Chuyên đề tiến sĩ 1 | 5 | | |
| 2 | CDQLMT2 | Chuyên đề tiến sĩ 2 | 5 | | |
| **D** | DLA | **Luận án** | **74** | | |
| | | Các công bố khoa học(*) | | | |

### 6.2. Khung chương trình của Phương thức 2

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,BT |
| **A** | | **Học phần bổ sung kiến thức** (nếu có) | | | |
| 1 | | Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: học bổ sung các môn cơ sở và chuyên ngành của chương trình thạc sĩ cùng ngành | ≥ 30 | | |
| 2 | | Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ ngành gần sẽ được xem xét theo từng trường hợp cụ thể. | | | |
| **B** | | **Học phần tiến sĩ bắt buộc** | **3** | | |
| 1 | TLTQ | Tiểu luận tổng quan | 3 | 3 | 0 |
| **C** | | **Học phần tiến sĩ tự chọn** | 11 - 12 | | |
| 1 | DNC | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 2 | 1 |
| 2 | DMT001 | Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường | 3 | 3 | 1 |
| 3 | DMT020 | Các phương pháp và công cụ trong quản lý tài nguyên và môi trường | 3 | 2 | 1 |

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,BT |
| 4 | DMT021 | Chuyên đề quản lý tài nguyên và môi trường | 3 | 3 | 1 |
| 5 | DMT028 | GIS và viễn thám ứng dụng | 3 | 2 | 1 |
| 6 | DMT022 | Mô hình hóa môi trường | 3 | 2 | 1 |
| 7 | DMT029 | Khoa học dữ liệu môi trường | 3 | 2 | 1 |
| 8 | DMT030 | Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững | 3 | 2 | 1 |
| 9 | DMT016 | Thiết kế chương trình quan trắc môi trường | 3 | 2 | 1 |
| **D** | | **Học phần nghiên cứu** | **6** | | |
| | CDQLMT1 | Chuyên đề tiến sĩ 1 | 3 | 3 | 0 |
| | CDQLMT2 | Chuyên đề tiến sĩ 2 | 3 | 3 | 0 |
| **E** | DLA | **Luận án** | **70** | | |
| | | Các bài báo khoa học(*) | | | |

**Ghi chú: (*) Bài báo khoa học của nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chí sau:**

**(a)** Công bố khoa học đối với chương trình đào tạo theo Phương thức 1, NCS cần đạt các yêu cầu quy định tại mục 4, mục 4.1 văn bản này và tên Trường Đại học Khoa học tự nhiên, tên ĐHQG-HCM có ghi vào thông tin tên của NCS trong các công bố khoa học.

**(b)** Công bố khoa học đối với chương trình đào tạo theo Phương thức 2, NCS cần đạt các yêu cầu quy định tại mục 4, mục 4.2 văn bản này và tên Trường Đại học Khoa học tự nhiên, tên ĐHQG-HCM có ghi vào thông tin tên của NCS trong các công bố khoa học.

**(c)** Quy cách trình bày tên Trường Đại học Khoa học tự nhiên, tên ĐHQG-HCM trong công bố khoa học như sau:

***Tiếng Việt:***

Ví dụ họ tên NCS: Nguyễn Văn A [(1), (2), (3)]

[(1)] PTN cấp khoa hoặc/Bộ môn (nếu có nhu cầu ghi), **PTN cấp Trường/Trung tâm/Viện/Khoa, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam** (*hai cấp độ tổ chức được in đậm là bắt buộc phải ghi; cấp PTN thuộc Khoa/Bộ môn là không bắt buộc*)

[(2)] Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

[(3)] Đơn vị ngoài (do NCS đăng ký, có xác nhận của GVHD trong đề cương)

***Tiếng Anh:***

Ví dụ họ tên NCS: Nguyen Van A [(1), (2), (3)]

[(1)] Laboratory.../Department..., **Laboratory/Center/Institute/Faculty, University of Science, Ho Chi Minh City, Vietnam** (hai cấp in đậm là bắt buộc phải ghi)

[(2)] Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam.

[(3)] Other affiliations.